

VỀ CÁC PHƯƠNG THỨC LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN

Nguyễn Thị Vy*

Nhiều nhà nghiên cứu lý luận về hệ thống chính trị trong thời gian gần đây cho rằng, cơ chế tổng thể hay còn gọi là nguyên tắc vận hành của hệ thống chính trị nước ta là *“nhân dân lao động làm chủ thông qua quyền lực của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam”*. Nguyên tắc này là sợi chỉ đỏ xuyên suốt hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị. Sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta tuy trải qua nhiều giai đoạn có bối cảnh quốc tế và trong nước khác nhau, nhiệm vụ cụ thể và sách lược cách mạng có sự vận dụng linh hoạt phù hợp với từng giai đoạn, song sợi chỉ đỏ xuyên suốt là “lấy dân làm gốc”, coi trọng dân vốn đã hình thành trong lịch sử mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước được Đảng ta kế thừa và phát huy trong điều kiện mới. Bác Hồ đã nói: “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”¹, “Nước ta là một nước dân chủ. Mọi công việc đều vì lợi ích của dân mà làm. Khắp nơi có đoàn thể nhân dân, như Hội đồng nhân dân, Mặt trận, Công đoàn, Hội nông dân cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, v.v.. Những đoàn thể ấy là tổ chức của dân, bênh vực quyền của dân, liên lạc mật thiết nhân dân với Chính phủ”². Nhận thức đúng và vận dụng sáng tạo những lời chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta đã sớm xác định việc mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, coi đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng, của sự nghiệp đổi mới vì chủ nghĩa xã hội. Từ Đại hội Đảng lần thứ IV, Đảng ta đã xác định

việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là một trong bốn mục tiêu cơ bản, bốn đặc trưng của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Quan điểm đó được tiếp tục khẳng định và cụ thể hoá từng bước trong Nghị quyết Đại hội lần thứ V và VI của Đảng. Đại hội Đảng lần thứ VI là Đại hội đổi mới lấy dân làm gốc, phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế nhằm giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất; đổi mới cơ chế quản lý, xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; đổi mới vai trò quản lý của Nhà nước, thực hiện chính sách đối ngoại rộng rãi, Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước. Qua hơn 18 năm đổi mới, quyền làm chủ của nhân dân từng bước được phát huy, tiềm năng to lớn về vật chất và tinh thần, trí tuệ của nhân dân được khơi dậy. Tuy nhiên, quyền làm chủ của nhân dân còn bị vi phạm ở một số nơi, một số lĩnh vực. Tệ quan liêu, tham nhũng, cửa quyền, sách nhiễu, gây phiền hà cho dân vẫn còn tồn tại ở một số địa phương mà chúng ta chưa ngăn chặn, đẩy lùi kịp thời. Phương châm “dân biết, dân làm, dân bàn, dân kiểm tra” chưa được cụ thể hoá và thể chế hoá thành pháp luật, cơ chế nên chậm đi vào cuộc sống. Chính vì vậy, vấn đề phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” vừa là đòi hỏi khách quan, vừa là yêu cầu cấp bách của thực tiễn cách mạng nước ta, đồng thời cũng là biện pháp chiến lược để phòng chống tham nhũng, quan liêu có hiệu quả.

Xã hội loài người ra đời, phát triển theo những nấc thang của lịch sử đã chứng minh rằng nhân dân chính là người làm ra của cải, sáng tạo ra đời sống của hành tinh chúng ta.

* Thạc sỹ Luật học, Tạp chí Cộng sản

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, T 6, tr 515

² Hồ Chí Minh: Sdd, T 6, tr 66

Lý giải nhiều sự kiện đã diễn ra trong lịch sử, không thể không nói đến yếu tố thiên thời, địa lợi, đến vai trò tài ba của người lãnh tụ, song vai trò vô cùng quan trọng để thắng hay bại vẫn là nhân dân. Các triều đại Đông Tây lúc cường thịnh hay suy vong đều dựa trên cái nền nhân hoà. Nguyễn Trãi đã nói dân có thể nâng thuyền, đồng thời cũng có thể lật thuyền, ai được lòng dân thì được thiên hạ.

Trong các triều đại phong kiến hàng nghìn năm, triều đại nào được lòng dân, được nhân dân ủng hộ thì chiến thắng được giặc ngoại xâm, xây dựng đất nước thái bình; ngược lại, nếu không được lòng dân, không biết tập hợp sức mạnh của dân, thậm chí đối lập với dân thì sớm muộn cũng bị suy vong. Hồ Chí Minh là người anh hùng kiệt xuất, là người nhận biết được sức mạnh của dân, biết giác ngộ dân, dựa vào dân và biết tổ chức dân, biết hoà quyện sức mạnh của nhân dân với sức mạnh của dân tộc nên đã dẫn dắt nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Cái gốc bền vững của mọi chế độ đều bắt nguồn từ nhân dân. Để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân không chỉ là giành được chính quyền, mà điều quan trọng hơn là phải làm sao để nhân dân có đủ năng lực làm chủ, biết hưởng quyền dân chủ, biết sử dụng quyền dân chủ của mình. Điều đó đã được cụ thể hoá bằng phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” của Đảng và Nhà nước ta trong những năm gần đây.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta từ địa vị nô lệ đã giành được quyền làm chủ và trở thành người chủ đất nước và vận mệnh của mình. Tư cách “là chủ” và “làm chủ” là quyền cao cả, thiêng liêng của mỗi người dân Việt Nam. Từ dân là chủ đến dân làm chủ là một bước nhảy vọt về chất và hoàn toàn không dễ dàng. Tất cả làm sao để dân biết hưởng quyền dân chủ, biết sử dụng quyền dân chủ. Hưởng ở đây được hiểu không phải là một

thứ ân huệ được ban tặng mà nhân dân từ trong tư tưởng, nhận thức phải có tinh thần tự lực cánh sinh “việc ta ta phải gắng lo”, “đem sức ta mà giải phóng cho ta”. Đấu tranh giành chính quyền, làm chủ chính quyền, xây dựng xã hội là sự nghiệp của chính nhân dân, không ai có thể làm thay. Để sự nghiệp thành công, nhân dân phải được giác ngộ, tập hợp, đoàn kết, tạo thành sức mạnh. Nhân dân biết giải quyết nhiều vấn đề, từ giản đơn đến phức tạp mà người dù tài giỏi đến mấy cũng không thể làm nổi. Việc bồi dưỡng sức dân, bồi dưỡng năng lực làm chủ cho nhân dân là công việc khó khăn, đòi hỏi một quá trình phấn đấu kiên trì, không mệt mỏi của nhân dân và các cấp chính quyền. Đó là quá trình kết nối giữa “quyền” và “năng” thành thực tế làm chủ của nhân dân. Đó là công cuộc nâng cao dân trí, bồi dưỡng dân khí - những nhân tố hàng đầu hình thành năng lực làm chủ của nhân dân.

Trong Chương trình hành động của Chính phủ lâm thời ngày 3- 8-1945, Hồ Chí Minh đã đề ra 6 nhiệm vụ cấp bách, trong đó 3 nhiệm vụ hàng đầu là diệt giặc đói, giặc dốt và xây dựng chính quyền. Bác nói: “Khi xưa Pháp cai trị nước ta, chúng thi hành chính sách ngu dân... Nay chúng ta giành được quyền độc lập. Một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc trong lúc này là nâng cao dân trí... Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ”³ và chúng ta học tập chính là để có đủ năng lực làm chủ, có đủ năng lực tổ chức cuộc sống mới. Nói dân làm chủ không chỉ để hưởng quyền dân chủ, dù đó là hưởng những thành quả do chính mình tạo nên, mà còn biết sử dụng quyền làm chủ để tham gia xây dựng chính quyền, quản lý xã hội. Đó là

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1995, T 4, tr 36

ting thần chủ động, tích cực xây dựng từ phía người dân. Hưởng và sử dụng quyền làm chủ đòi hỏi về năng lực làm chủ, không chỉ là thước đo về trình độ dân trí mà còn thể hiện thái độ, bản lĩnh, trách nhiệm làm chủ của người dân. Bác Hồ đã nói, thực hành dân chủ là chìa khóa vạn năng có thể giải quyết được mọi khó khăn, vướng mắc.

Nhân dân làm chủ được thể hiện bằng một số phương thức sau:

Thứ nhất, nhân dân tham gia quản lý công việc của Nhà nước

Bản chất nhân dân, tính chất dân chủ của Nhà nước ta không chỉ thể hiện ở sự hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức và các cơ quan nhà nước mà còn thể hiện ở việc huy động sự tham gia đông đảo của nhân dân vào quản lý công việc nhà nước. Nhân dân tham gia quản lý công việc của nhà nước là biểu hiện trực tiếp của quyền dân chủ. Ở nước Nga, sau Cách mạng Tháng Mười, Lê-nin đã cho rằng, mục đích làm cách mạng chính là làm cho hết thảy những người nghèo không trừ một ai, đều thực sự tham gia việc quản lý xứ sở của mình. Bác Hồ nói: “Không có lực lượng nhân dân, thì việc nhỏ mấy, để mấy cũng không xong”⁴. Đây là vấn đề tưởng như là đương nhiên trong một xã hội dân chủ, song để làm được điều đó phải vượt qua rất nhiều vật cản từ hai phía: nhân dân và nhà nước. Năng lực làm chủ là nhân tố chủ quan dẫn đến những hạn chế của nhân dân, trước hết là những người lao động, người nghèo không đủ các điều kiện vật chất, văn hoá, tri thức tham gia công việc nhà nước. Để giải quyết tình trạng này không thể chỉ bằng sắc lệnh của chính quyền mà phải bằng một loạt các cải cách, các chính sách xã hội để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân.

Tuy nhiên, cả khi năng lực làm chủ của nhân dân từng bước được nâng cao thì việc tham gia của nhân dân vào công việc nhà

nước, công việc xã hội không trở thành đương nhiên hoặc tự đến. Người dân phải không ngừng nâng cao tri thức, hiểu biết, chuyên môn, xoá bỏ tâm lý mặc cảm, tự ti khi tiếp xúc với các cơ quan công quyền để đòi hỏi các quyền lợi chính đáng của mình được ghi nhận trong Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật. Làm chủ không chỉ là quyền mà còn là nghĩa vụ, trách nhiệm. Nhưng vẫn có một số ít người không làm tròn bổn phận công dân, họ muốn hưởng quyền lợi mà không muốn làm nghĩa vụ, thậm chí cố người cố tình vi phạm pháp luật. Về phía các cơ quan nhà nước và cán bộ công chức trong khi làm việc không được có thái độ quan liêu, hách dịch với dân, thiếu trách nhiệm trước chức trách được giao. Họ là những người thay mặt nhân dân thực thi trách nhiệm, thẩm quyền mà nhân dân giao phó, biết đau trước nỗi đau của dân, biết lo lắng trước những bức xúc của nhân dân. Hồ Chí Minh thường căn dặn cán bộ chớ làm cho dân oán và phê phán thái độ lên mặt làm quan cách mạng, độc đoán, dùng phép công để báo thù tư. Người chỉ rõ: “Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng. Nếu không có Chính phủ thì nhân dân không ai dẫn đường. Vậy nên Chính phủ với nhân dân phải đoàn kết thành một khối”⁵.

Một nhà nước được sinh ra không phải để làm thay nhân dân, thay xã hội, vì đó là điều mà không một nhà nước nào có thể làm được. Lý do tồn tại của nhà nước là ở sự đảm trách vai trò của người cầm lái, người dẫn đường, là quy luật bất di bất dịch đối với sự tồn tại của một nhà nước. Không chỉ ở Việt Nam, mà ở bất kỳ xã hội nào, lực lượng là ở nơi dân cho nên Nhà nước muốn làm việc gì đều phải dựa vào sức dân, thông qua việc huy động công sức, trí tuệ của nhân dân.

Trong phát huy quyền làm chủ của nhân dân, vấn đề củng cố và nâng cao niềm tin của dân với chính quyền và của chính quyền

⁴ Hồ Chí Minh: *Sdd*, T 6, tr 292

⁵ Hồ Chí Minh: *Sdd*, T 4, tr 19, 56

với dân là vô cùng cần thiết. Có niềm tin và tạo được niềm tin là có tất cả và thực tiễn đã chứng minh điều đó. Trên thực tế đã xảy ra tình trạng cán bộ có khuyết điểm thường sợ dân nói, hoặc do cách lãnh đạo thiếu dân chủ nên đối với lãnh đạo, nhân dân dù có ý kiến cũng không dám nói, dù muốn phê bình cũng không dám phê bình vì sợ bị trừ dập, bị mất lợi ích. Có người không nói không phải vì sợ, vì không có ý kiến mà họ nghĩ có nói cũng không giải quyết được việc gì, cấp trên không nghe, không xem xét. Không nói sinh ra tâm trạng chán nản, tâm tư, uất ức rồi không nói trước mặt chỉ nói sau lưng. Tình trạng này nếu không dẹp bỏ, tập thể sẽ không có động lực phấn đấu, thật giả, tốt xấu lẫn lộn, để cho bọn cơ hội lợi dụng, kỷ luật, kỷ cương bị buông lỏng. Vì vậy, phải dựa vào dân để xây dựng Đảng và Nhà nước thực sự vững mạnh. Muốn làm được điều đó Đảng thực sự phải dựa vào dân, củng cố mối quan hệ gắn bó, sâu sắc giữa Đảng với dân, khắc phục bệnh quan liêu, hành chính hoá. Đó thực sự là vấn đề chiến lược quan trọng của công tác xây dựng Đảng.

Đảng lãnh đạo xây dựng Nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân, thương dân, chia sẻ với dân. Xây dựng cơ chế tiếp nhận thông tin đầy đủ, kịp thời và trung thực từ nhân dân; xử lý thông tin chuẩn mực, hợp với nguyện vọng của dân. Nhân dân tham gia góp ý kiến về việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đẩy lùi bệnh quan liêu tham nhũng, đề cao tính nghiêm minh của pháp luật, bình đẳng trước pháp luật không trừ một ai dù đang giữ chức vụ gì, trọng trách nào cũng đều phải được xử lý. Một số vụ án vừa qua đã chứng minh quan điểm đó của Đảng, lòng tin của nhân dân được nâng lên rõ rệt. Ổn định và phát triển là vấn đề quan trọng đối với mỗi quốc gia dân tộc. Trong bối cảnh trong nước và thế giới hiện nay, cùng với hàng loạt các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội quan trọng khác, vấn đề đoàn kết toàn dân, tập hợp tiềm lực của nhân dân trên mặt

trận chống đói, nghèo, chúng ta không được lơ là mất cảnh giác, đấu tranh không khoan nhượng chống lại mọi mưu toan phá hoại chế độ của các thế lực thù địch.

Thứ hai, nhân dân làm chủ thông qua bầu cử, ứng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp

Ở nước ta, tất cả quyền lực thuộc về nhân dân, bầu cử là hình thức thể hiện điều khẳng định đó. Bốn bản Hiến pháp 1946, 1959, 1980, 1992 đều xác định chỉ có cơ quan nhà nước do nhân dân trực tiếp bầu ra mới là cơ quan quyền lực nhà nước. Thấy rõ vị trí và tầm quan trọng của bầu cử nên Đảng ta và chủ tịch Hồ Chí Minh ngay từ buổi đầu của việc xây dựng chính quyền nhân dân đã thực thi quyền lực thuộc về nhân dân. Bác đã trực tiếp chỉ đạo cuộc bầu cử đầu tiên thắng lợi đặt nền tảng cho các cuộc bầu cử sau này. Đại biểu Quốc hội thực hiện quyền lực do nhân dân uỷ quyền phải là những người có tài, có đức. "Những người trúng cử sẽ phải ra sức giữ vững nền độc lập của Tổ quốc, ra sức mưu sự hạnh phúc cho đồng bào. Phải luôn luôn nhớ và thực hành câu: Vì lợi nước, quên lợi nhà; vì lợi chung, quên lợi riêng. Phải làm sao cho xứng đáng với đồng bào, cho xứng đáng với Tổ quốc"⁶. Quan niệm của Hồ Chí Minh về việc mở rộng cho mọi tầng lớp nhân dân tham gia bầu cử Quốc hội có ý nghĩa quan trọng trong việc củng cố chính quyền nhân dân. Quan niệm đó *một mặt*, giữ được bản chất giai cấp của Nhà nước ta, *mặt khác*, đáp ứng được yêu cầu của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đó là phải thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc để chống thù trong, giặc ngoài, thực hiện thắng lợi sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc.

Làm chủ bằng Nhà nước, nhân dân ta trước tiên thực hiện quyền làm chủ của mình thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Việc bầu cử, lựa chọn những người xứng đáng đại diện cho mình trong cơ quan

⁶ Hồ Chí Minh: *Sdd*, T 4, tr 145

quyền lực nhà nước cao nhất không chỉ là quyền lợi, trách nhiệm của người dân mà còn là trách nhiệm của người đại biểu. Muốn cho phương thức dân chủ đại diện trở nên thực chất và có hiệu quả trên thực tế cần phải bảo đảm mọi điều kiện để cử tri thực sự có quyền lựa chọn và quyết định ai là người đại diện của mình. Họ cũng có quyền bãi miễn những người không còn đủ tư cách, không còn xứng đáng là đại diện của họ thông qua kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá hoạt động của đại biểu sau khi bầu. Xây dựng, củng cố và hoàn thiện quy chế bầu cử, cách thức lựa chọn bầu cử, tiêu chuẩn đại biểu, nghĩa vụ đại biểu dựa trên nguyên tắc bảo đảm quyền lực và lợi ích của nhân dân, cơ quan quyền lực thực sự là vì dân, của dân, do dân. Cần loại bỏ tình trạng bầu cử có tính chất áp đặt, bầu cử chỉ là hợp thức hoá cái đã định sẵn, đặt cử tri vào tình trạng có bầu nhưng không có thực quyền lựa chọn. Bầu cử theo tinh thần dân chủ, bảo đảm các thông tin cần thiết và khách quan giúp cho cử tri có đủ dữ kiện để lựa chọn và quyết định. Việc lựa chọn đại biểu không phải là thành phần, cơ cấu mà là đạo đức, tài năng, uy tín, trách nhiệm của người đại diện.

Thứ ba, nhân dân làm chủ bằng cách tham gia đóng góp ý kiến, kiến nghị đối với các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước

Nguyên tắc nhân dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận các vấn đề chung của cả nước và địa phương, kiến nghị với cơ quan nhà nước, biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu dân ý được khẳng định trong bốn bản Hiến pháp và các văn bản pháp luật khác. Việc lấy ý kiến diễn ra dưới nhiều hình thức, đa dạng để tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức, nhân dân tham gia góp ý một cách thiết thực, thể hiện tính dân chủ, tính nhân dân trong việc đề ra các chủ trương lớn của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Các dự án luật, pháp lệnh của Quốc hội và Ủy ban

Thường vụ Quốc hội đưa ra để nhân dân tham gia ý kiến được quy định tại Điều 26 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật từ năm 1996: “Tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân bằng các hình thức thích hợp tùy theo tính chất của từng dự án”. Căn cứ vào tính chất, nội dung, phạm vi điều chỉnh của các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo của nghị quyết mà quyết định hình thức lấy ý kiến nhân dân. *Tổ chức lấy ý kiến ở phạm vi hẹp* có nghĩa là chỉ trong một số cơ quan, tổ chức, chuyên gia, các nhà khoa học, quản lý, doanh nghiệp...; đối với một số dự án chuyên ngành có thể lấy ý kiến về toàn bộ dự án hoặc một số nội dung của dự án. Hình thức này tuy không rộng rãi nhưng ý kiến thường là sâu sắc, tập trung, thiết thực, ít tốn kém. *Hình thức lấy ý kiến rộng rãi* do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định đối với một số dự án luật quan trọng, có phạm vi điều chỉnh rộng như Hiến pháp, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Dân sự, Luật Đất đai, Luật Lao động... Các phương thức tổ chức lấy ý kiến có thể thông qua đại biểu Quốc hội; tổ chức hội nghị lấy ý kiến; qua các phương tiện thông tin đại chúng; qua các cuộc điều tra xã hội học. Hiệu quả của việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân là nhằm nghiên cứu, tiếp thu ý kiến để chỉnh lý, bổ sung dự án, dự thảo; phản ánh được đầy đủ ý kiến của nhân dân, các cấp, các ngành, bảo đảm cho việc đối tượng điều chỉnh trong các văn bản quy phạm pháp luật phải được hài hòa, tránh tình trạng áp đặt chủ quan, tùy tiện. Việc tiếp thu, chỉnh lý được diễn ra theo từng bước, từng cấp, sau đó mới trình ra Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Thực tế cho thấy, việc lấy ý kiến nhân dân, tiếp thu, chỉnh lý là khâu quan trọng góp phần hoàn chỉnh dự án, bảo đảm tính khả thi của các dự án.

Thứ tư, nhân dân làm chủ thông qua việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo

Việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo là hình thức biểu hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, là điều kiện để nhân dân trực tiếp

tham gia quản lý xã hội, quản lý nhà nước. Quyền khiếu nại, tố cáo là một trong những quyền cơ bản của công dân, được thể hiện trong bốn bản Hiến pháp 1946, 1959, 1980, 1992, trong Pháp lệnh Khiếu nại, tố cáo năm 1991 và Luật Khiếu nại tố cáo năm 1997 và các văn bản quy phạm pháp luật khác. Thể chế dân chủ mà Hiến pháp 1946 tạo ra là điều kiện tiên quyết, là nền tảng cơ bản để hình thành quyền khiếu nại, tố cáo của công dân. Khi các quyền cơ bản của công dân đã được Hiến pháp ghi nhận mà bị xâm phạm thì họ sẽ có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét. Đồng thời trong chế độ dân chủ, với địa vị là người làm chủ đất nước, công dân sẽ sử dụng quyền khiếu nại, tố cáo như một biện pháp để tham gia xây dựng chính quyền, xây dựng xã hội. Ngược lại, việc giải quyết kịp thời, khách quan các khiếu nại, tố cáo cũng là phương thức hữu hiệu để các cơ quan nhà nước và đội ngũ cán bộ công chức thực thi quyền lực nhà nước vì mục tiêu bảo đảm tự do dân chủ cho nhân dân. Ngay từ những ngày đầu xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặc biệt chú trọng đến công tác giải quyết các khiếu nại, tố cáo. Sắc lệnh số 64/SL ngày 23-11-1945 quy định về Ban Thanh tra đặc biệt đã đề cập vấn đề này. Ban Thanh tra đặc biệt có nhiệm vụ giám sát tất cả các công việc và các nhân viên của các Ủy ban hành chính và các cơ quan của Chính phủ. Một trong các quyền của Ban Thanh tra đặc biệt khi đó là: “Nhận các đơn khiếu nại của nhân dân”. Như vậy, mặc dù Hiến pháp 1946 chưa có điều khoản cụ thể quy định quyền khiếu nại, tố cáo của công dân, nhưng thể chế dân chủ mà bản hiến pháp này tạo dựng nên là nền tảng cơ bản hình thành quyền khiếu nại, tố cáo của công dân trên thực tế.

Quyền khiếu nại, tố cáo của công dân chính thức được ghi nhận trong Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980. Trong Hiến

pháp 1992, quyền khiếu nại, tố cáo với tư cách là một trong những quyền cơ bản của công dân đã được hoàn thiện thêm một bước, phù hợp với tiến trình đổi mới đất nước. Điều 74 Hiến pháp 1992 quy định: “Công dân có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân hoặc bất cứ cá nhân nào. Việc khiếu nại, tố cáo phải được cơ quan nhà nước xem xét và giải quyết trong thời hạn pháp luật quy định. Mọi hành vi xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích của tập thể và của công dân phải được kịp thời xử lý nghiêm minh...”. Trong quy định này tính pháp chế được thể hiện đậm nét hơn so với quy định của các Hiến pháp trước đây. Nếu như các Hiến pháp năm 1959, 1980 quy định công dân được khiếu nại tố cáo với bất cứ cơ quan nhà nước nào thì theo Hiến pháp 1992, công dân có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Như vậy, trong hệ thống các cơ quan nhà nước phải có sự phân định thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân theo từng ngành, từng cấp; công dân khi thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo cũng phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết của các cơ quan nhà nước. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo phải được giải quyết trong thời hạn cụ thể. Đây thực sự là một bước nâng cao việc thực hiện quyền tự do, dân chủ của nhân dân. Quyền khiếu nại, tố cáo là một trong những quyền cơ bản của công dân đã được Hiến pháp ghi nhận, là một bước thể chế hóa quan điểm của Đảng ta về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng bộ máy nhà nước ta trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn đời sống trong thời kỳ đổi mới cùng với việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.